

Số: 460... NQ/CLH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẦU LỚN-HÀM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP TVTK Cầu lớn-Hàm;
- Căn cứ Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP TVTK Cầu lớn-Hàm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 11/4/2025;
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP TVTK Cầu lớn-Hàm ngày 11/4/2025.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1: Thông qua các nội dung sau:**

- 1) Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025;
- 2) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025;
- 3) Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu chính như sau:

**1. Báo cáo tài chính năm 2024:**

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC trong đó có một số chỉ tiêu cơ bản sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | Năm 2023        | Năm 2024        |
|----|----------------------|-----------------|-----------------|
| 1  | Tổng tài sản         | 186.077.255.285 | 193.945.020.144 |
| 2  | Tổng Doanh thu       | 171.260.790.178 | 157.397.791.486 |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế | 13.460.957.695  | 12.613.892.685  |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế   | 10.723.670.595  | 9.916.060.864   |

|    |                                                 |                |                |
|----|-------------------------------------------------|----------------|----------------|
| 5  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu  | 6,26           | 6,3            |
| 6  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu  | 35,34          | 32,79          |
| 7  | Khả năng thanh toán nợ đến hạn                  | 1,155          | 1,16           |
| 8  | Lãi cơ bản/cổ phiếu                             | 5.958          | 5.509          |
| 9  | Phát sinh phải nộp NSNN                         | 15.260.046.219 | 12.789.166.262 |
| 10 | Thu nhập bình quân /tháng/người                 | 27.055.000     | 25.300.398     |
| 11 | Tổng mức đầu tư XDCB và mua sắm tài sản cố định | 839.291.636    | 606.836.364    |

## 2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024, lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cầu lớn - Hàm là 9.916.060.864 đồng. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

| TT  | Chỉ tiêu                                                                                                                | Số tiền (đồng)                                      | Tỷ lệ %  | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------|---------|
| 1   | <b>Vốn điều lệ</b>                                                                                                      | <b>18.000.000.000</b>                               |          |         |
| 2   | <b>Số cổ phần</b><br><i>Trong đó:</i><br>- Số cổ phần đang lưu hành<br>- Cổ phiếu quỹ ( <i>không lưu hành</i> )         | <b>1.800.000</b><br><br><b>1.800.000</b>            |          |         |
| 3   | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                                                                        | 12.613.892.685                                      |          |         |
| 4   | <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                                                                      | 2.697.831.821                                       |          |         |
| 5   | <b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>                                                                                       |                                                     |          |         |
| 6   | <b>Lợi nhuận sau thuế 2024</b>                                                                                          | 9.916.060.864                                       |          |         |
| 7   | <b>Phương án phân phối lợi nhuận</b>                                                                                    | 9.916.060.864                                       |          |         |
| 7.1 | Cổ tức (3.856đ/CP x 1.800.000CP) (*)<br><i>Trong đó :</i><br>+ Cổ đông TEDI<br>+ Cổ đông không kiểm soát                | 6.940.800.000<br><br>3.539.808.000<br>3.400.992.000 | 70% LNST |         |
| 7.2 | Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban ĐH<br><i>Trong đó :</i><br>+ Thưởng HĐQT, BKS<br>+ Thưởng Ban GD, KTT                         | 495.803.000<br><br>247.901.500<br>247.901.500       | 5% LNST  |         |
| 7.3 | Quỹ Khen thưởng phúc lợi                                                                                                | 1.487.409.000                                       | 15%LNST  |         |
| 7.4 | Quỹ thưởng doanh số bán hàng                                                                                            | 495.803.000                                         | 5%LNST   |         |
| 7.5 | LNST chưa phân phối<br>- LNST chưa phân phối năm nay<br>- LNST chưa phân phối năm trước<br>- LNST chưa phân phối lũy kế | <br>496.245.864<br>2.325.479.713<br>2.821.725.577   | 5%LNST   |         |

Số liệu chi trả cổ tức thực tế sẽ được xác định phù hợp với thời điểm chốt danh sách cổ đông trong Thông báo trả cổ tức năm 2024 của Công ty và chỉ tiêu LNST chưa phân phối năm nay sẽ được điều chỉnh tương ứng.

## 3. Quyết toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2024:

Quyết toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS theo kết quả SXKD năm 2024 là 789,690 triệu đồng (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

| TT          | Họ và tên                | Chức danh    | Dự toán được ĐHĐCĐ phê duyệt | Quyết toán năm 2024 theo kết quả SXKD | Số đã trả trong năm 2024 | Số còn được trả sau quyết toán |
|-------------|--------------------------|--------------|------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|
| <b>I.</b>   | <b>Hội đồng quản trị</b> |              |                              |                                       |                          |                                |
| 1           | Phạm Hữu Sơn             | Chủ tịch     | 119.737.000                  | 144.480.000                           | 119.736.000              | 24.744.000                     |
| 2           | Nguyễn Minh Vũ           | Phó Chủ tịch | 107.764.000                  | 130.033.000                           | 107.760.000              | 22.273.000                     |
| 3           | Lê Đông Hà               | Thành viên   | 95.789.000                   | 115.584.000                           | 95.784.000               | 19.800.000                     |
| 4           | Nguyễn Hồng Nhật         | Thành viên   | 95.789.000                   | 115.584.000                           | 95.784.000               | 19.800.000                     |
| 5           | Đặng Khắc Nhiên          | Thành viên   | 95.789.000                   | 115.584.000                           | 95.784.000               | 19.800.000                     |
| <b>II.</b>  | <b>Ban Kiểm soát</b>     |              |                              |                                       |                          |                                |
| 1           | Ngô Nam Hà               | Trưởng Ban   | 71.842.000                   | 86.687.000                            | 71.844.000               | 14.843.000                     |
| 2           | Trần Trường Phi          | Thành viên   | 47.895.000                   | 23.946.000                            | 23.946.000               |                                |
| 3           | Lê Thị Hương Đào         | Thành viên   | 47.895.000                   | 57.792.000                            | 47.892.000               | 9.900.000                      |
| <b>III.</b> | <b>Tổng cộng</b>         |              | <b>682.500.000</b>           | <b>789.690.000</b>                    | <b>658.530.000</b>       | <b>131.160.000</b>             |

#### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu                                           | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | Tỷ lệ % KH năm 2025/ TH năm 2024 |
|----|----------------------------------------------------|--------------------|-------------------|----------------------------------|
| 1  | Tổng giá trị tài sản                               | 193.945            | 190.000           | 97,97                            |
| 2  | Tổng giá trị sản lượng                             | 168.994            | 172.800           | 102,25                           |
| 3  | Thu kinh phí                                       | 148.904            | 145.000           | 97,4                             |
| 4  | Tổng doanh thu                                     | 157.398            | 160.000           | 101,65                           |
| 5  | Lợi nhuận trước thuế                               | 12.614             | 12.800            | 101,5                            |
| 6  | Lợi nhuận sau thuế                                 | 9.916              | 10.240            | 103,26                           |
| 7  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên TDT                | 6,3                | 6,4               | 101,6                            |
| 8  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%) | 32,8               | 33,0              | 91,23                            |
| 9  | Khả năng thanh toán nợ đến hạn                     | 1,16               |                   |                                  |
| 10 | Lãi cơ bản/cổ phiếu                                | 5.509              | 5.689             | 103,27                           |
| 11 | Phát sinh phải nộp NSNN                            | 12.789             | 13.000            | 101,65                           |
| 12 | Thu nhập bình quân/tháng/người                     | 25,3               | 24,5              | 96,83                            |
| 13 | Tổng mức đầu tư tài sản cố định và KHCN            | 607                | 2.000             | 329,4                            |

#### 5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:

|                                |                                                                                                    |
|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cổ tức (% vốn điều lệ)         | Không thấp hơn 70% lợi nhuận sau thuế                                                              |
| Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban QLDH | DN Loại A không quá 5% lợi nhuận sau thuế, DN Loại B không quá 3% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - |

|                                   |                                                                                                           |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                   | BKS; 50% thưởng Ban GD, KTT.                                                                              |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi         | Không quá 15% LNST và giảm tương ứng với tỷ lệ thực hiện LNST so với kế hoạch                             |
| Quỹ thưởng doanh số bán hàng      | Không quá 5% LNST ( <i>đối với Công ty xếp loại A, có doanh thu không thấp hơn 4 lần vốn chủ sở hữu</i> ) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Còn lại sau khi trả cổ tức và trích các quỹ                                                               |

#### 6. Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2025:

Dự toán thù lao thành viên HĐQT, BKS kế hoạch năm 2025 là 800.000.000 đồng, bằng 0,5% tổng doanh thu, cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Chức danh         | Số lượng | Hệ số | Số tháng làm việc | Mức thù lao /người/tháng/ | Thù lao năm        |
|----|-------------------|----------|-------|-------------------|---------------------------|--------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT     | 1        | 1,0   | 12                | 11.696.000                | 140.351.000        |
| 2  | Phó Chủ tịch HĐQT | 1        | 0,9   | 12                | 10.526.000                | 126.316.000        |
| 3  | Thành viên HĐQT   | 3        | 0,8   | 12                | 9.357.000                 | 336.843.000        |
| 4  | Trưởng BKS        | 1        | 0,6   | 12                | 7.018.000                 | 84.210.000         |
| 5  | Thành viên BKS    | 2        | 0,4   | 12                | 4.678.000                 | 112.280.000        |
|    | <b>Tổng cộng:</b> | <b>8</b> |       |                   |                           | <b>800.000.000</b> |

Quỹ thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

#### 7. Lựa chọn các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập chung trong nhóm Công ty để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và theo sự chỉ đạo chung của Tổng công ty:

1. Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC.
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

#### 8. Kết quả bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2022-2027)

Danh sách bầu bổ sung thành viên BKS Nhiệm kỳ IV (2022-2027) như sau:

- 1) Ông Hoàng Ngọc Dũng - tỷ lệ phiếu bầu 83,9% tổng số phiếu bầu;

#### Điều 2: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP TVTK Cầu lớn-Hầm.

Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP TVTK Cầu lớn-Hầm.

#### Điều 3 : Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu HĐQT

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Phạm Hữu Sơn**